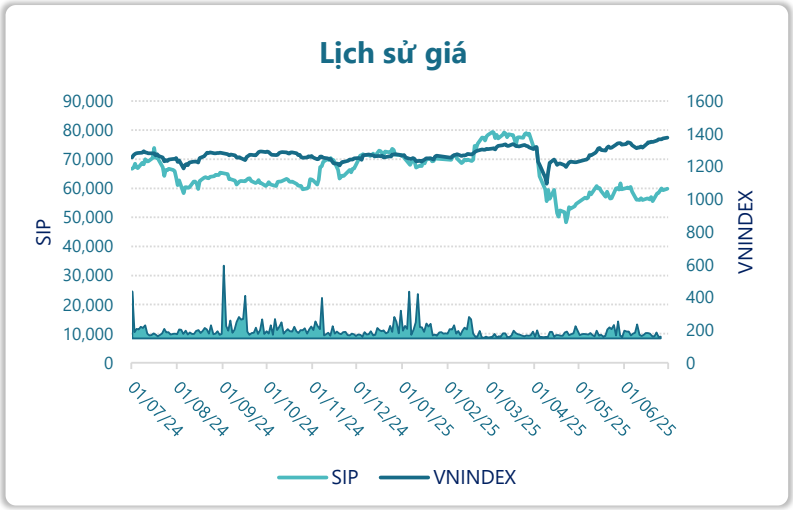
FireAnt

CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (HSX: SIP)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**68,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	79,369
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	48,293
SL cổ phiếu LH	210,533,403
KLGD BQ 20 phiên (CP)	702,660
% sở hữu nước ngoài	3.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	14,485
P/E	11.5
EPS	5,963

DT thuần

Q2/25

2,129

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 188| 9.7%

YoY: ▲ 196| 10.2%

LN sau thuế

Q2/25

318

tỷ VNĐ

QoQ: ▼84.0| -21.0%

YoY: ▼13.0| -4.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

20.9%

+/- YoY: ▼ 1.1%

DT thuần

6T 2025

4,071

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 311| 8.3%

LN sau thuế

6T 2025

720

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 131| 22.3%

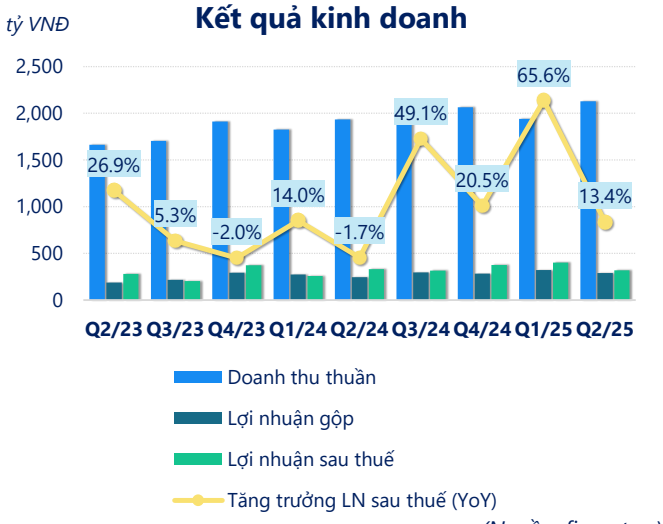
ROE

Q2/25

25.9%

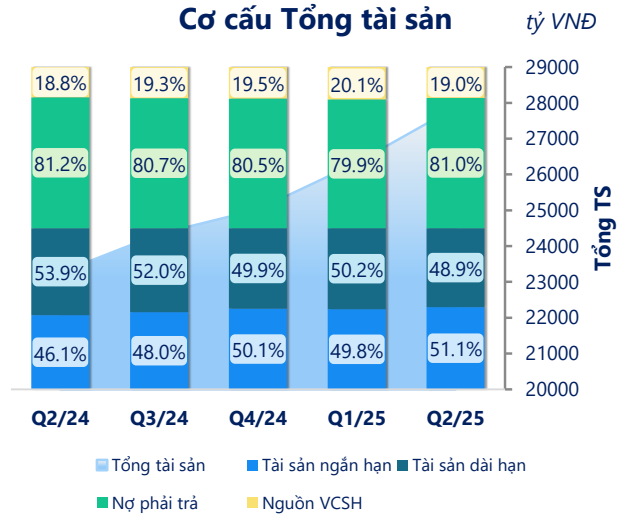
+/- YoY: ▼ 0.9%

Kết quả kinh doanh



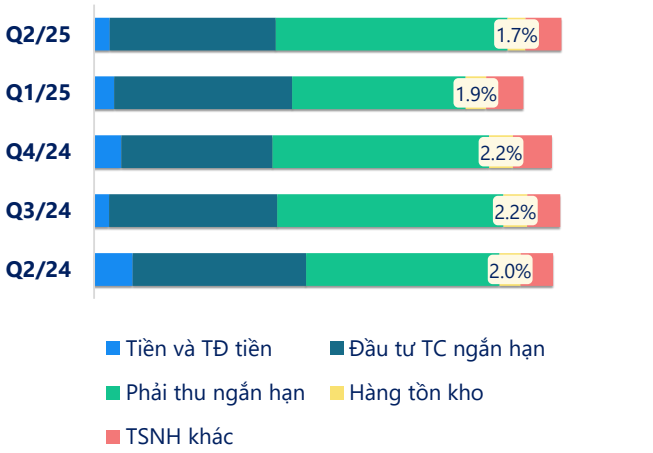
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



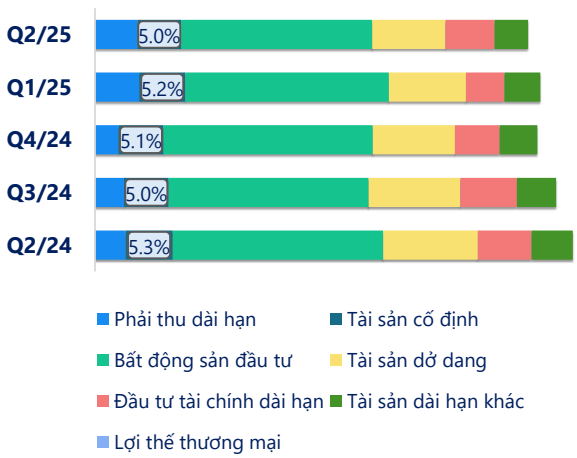
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



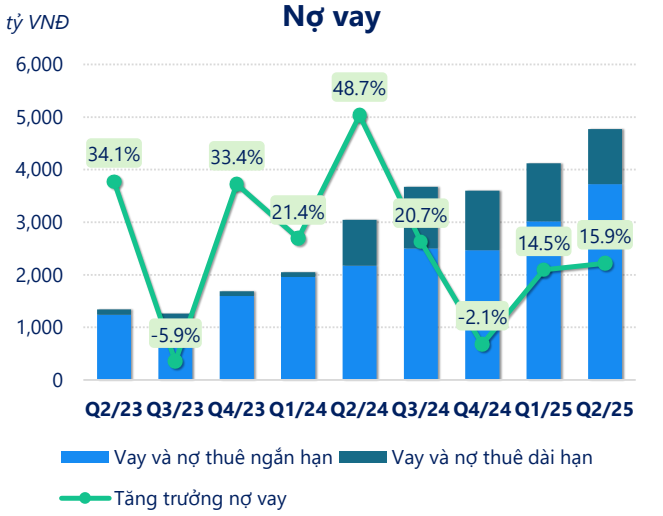
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



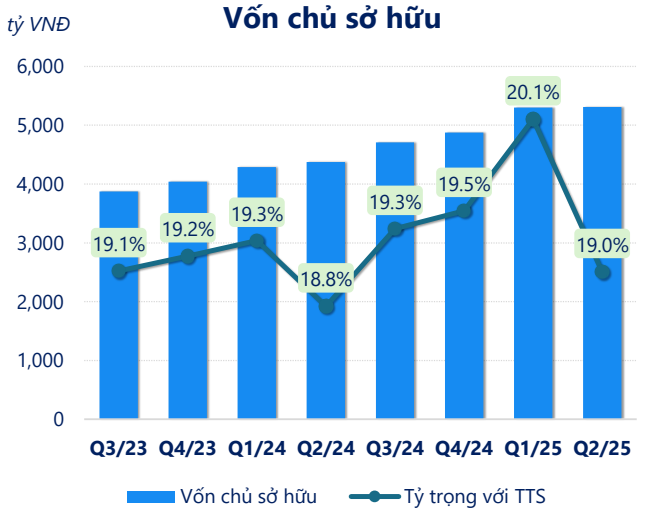
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



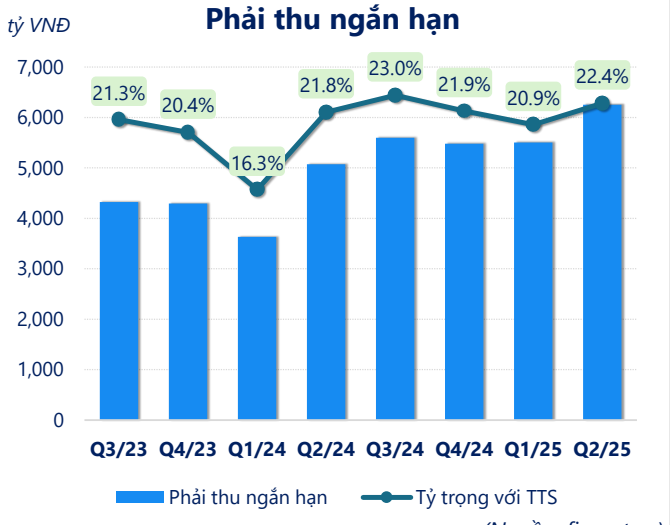
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



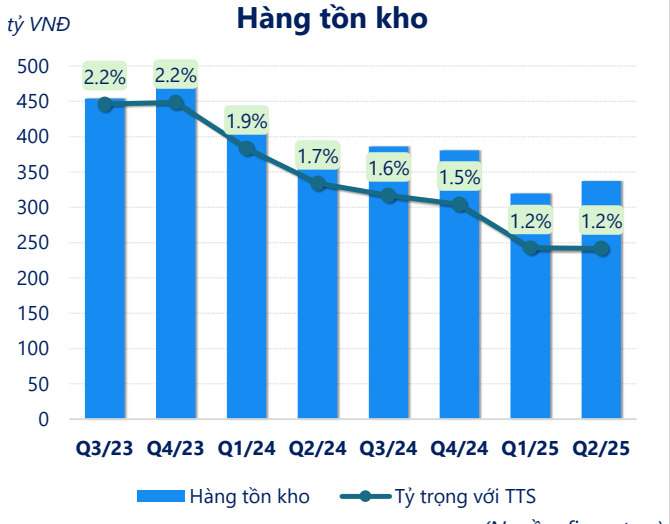
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



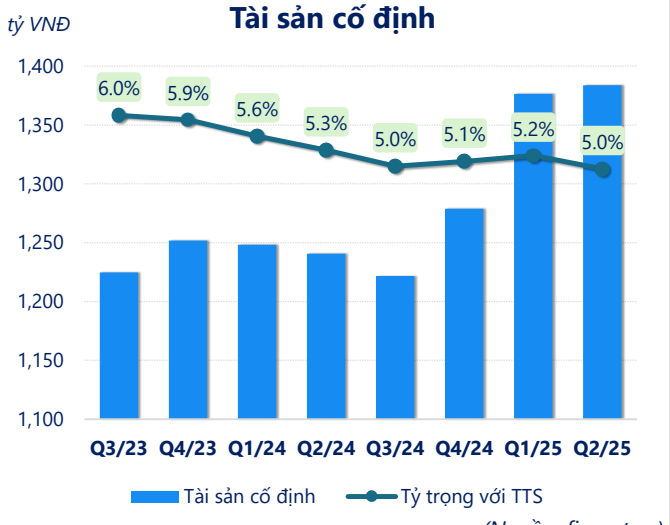
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



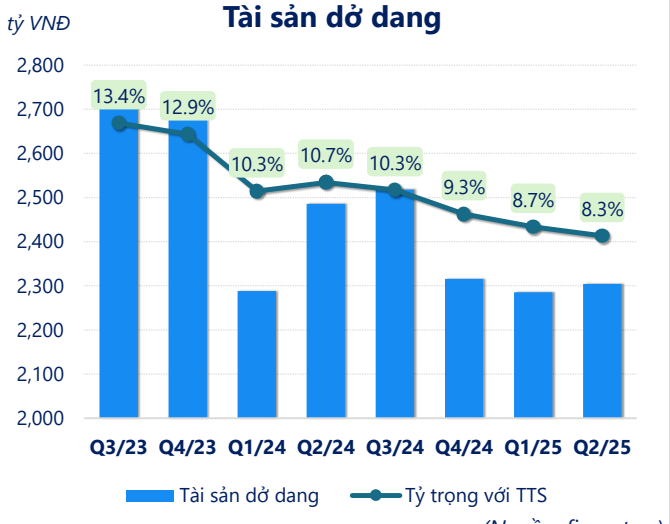
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



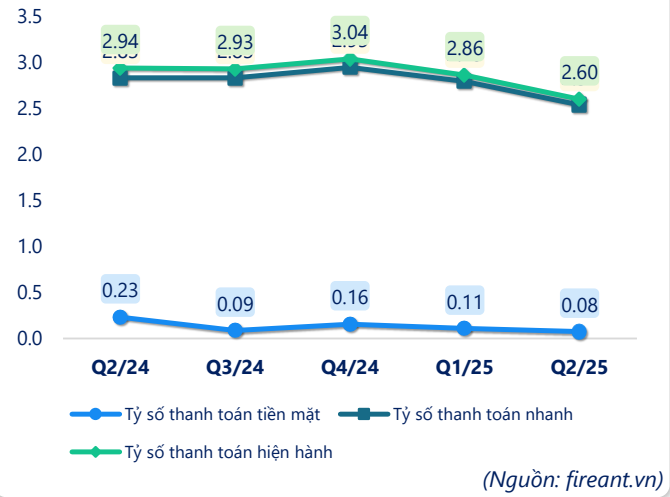
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



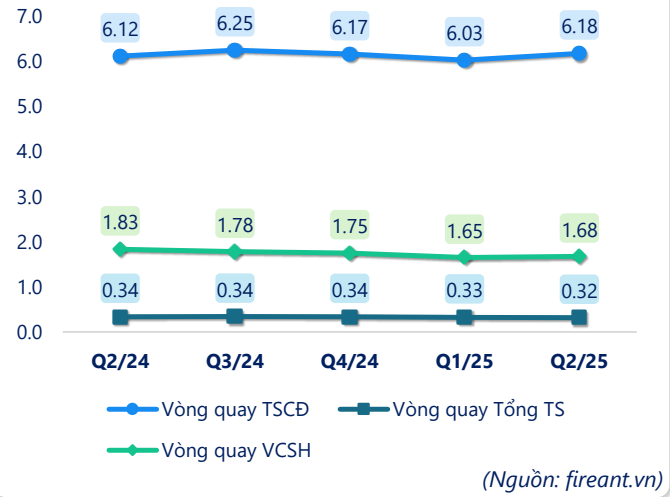
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**23,264**	**24,345**	**25,026**	**26,326**	**27,877**
Tài sản ngắn hạn	**10,724**	**11,678**	**12,529**	**13,097**	**14,249**
Tiền và tương đương tiền	844	345	644	496	413
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,631	4,477	5,176	5,957	6,417
Phải thu ngắn hạn	5,073	5,600	5,479	5,506	6,253
Hàng tồn kho	388	386	380	319	337
Tài sản ngắn hạn khác	788	870	850	819	828
Tài sản dài hạn	**12,540**	**12,667**	**12,496**	**13,229**	**13,628**
Phải thu dài hạn	800	800	660	1,311	1,331
Tài sản cố định	1,241	1,222	1,279	1,376	1,384
Bất động sản đầu tư	5,524	5,493	5,907	6,047	6,006
Tài sản dở dang	2,485	2,518	2,316	2,285	2,304
Đầu tư tài chính dài hạn	1,409	1,559	1,260	1,140	1,541
Tài sản dài hạn khác	1,081	1,076	1,075	1,069	1,062
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**18,890**	**19,634**	**20,151**	**21,027**	**22,568**
Nợ ngắn hạn	**3,646**	**3,985**	**4,123**	**4,574**	**5,479**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,176	2,503	2,466	3,017	3,723
Phải trả người bán ngắn hạn	171	206	241	226	233
Nợ dài hạn	15,244	15,649	16,028	16,453	17,089
Vay và nợ thuê dài hạn	868	1,170	1,132	1,101	1,050
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,374**	**4,711**	**4,874**	**5,298**	**5,309**
Vốn chủ sở hữu	**4,374**	**4,711**	**4,874**	**5,298**	**5,309**
Vốn điều lệ	1,818	2,105	2,105	2,105	2,105
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)